TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2018
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tú
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diệnVKSND thành phố B tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 21/3/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2017/TLST- HNGĐ ngày 10/11/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 06/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
HKTT: Thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định
2.Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ M, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
HKTT: Thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Phân trại số 2, Trại giam Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2017 bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Sỹ M vào ngày 17/5/2011, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc

Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn G, xã T, thành phố B.Thời gian đầu chung sống, vợ chồng tình cảm hoà thuận, hạnh phúc.

Vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M nghiện ma túy. Chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M không nghe. Sau đó anh M phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù. Sau khi mãn hạn tù trở về gia đình anh M vẫn sử dụng ma túy, không ai ngăn cản được. Năm 2013, anh M tiếp tục phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 8 năm tù. Hiện anh M đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2, Trại giam Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa nên chị Hoà đã trở về gia đình bố, mẹ đẻ ở thôn Phận, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định sinh sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn thương yêu nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Con chung của vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện ở xa, công việc bận chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Tại bản lấy lời khai ngày 05/02/2018 và những lời khai tiếp theo bị đơn là anh Nguyễn Sỹ M trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị H vào tháng 5/2011, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay tại gia đình bố, mẹ đẻ anh ở Thôn G, xã T, thành phố B. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ việc bản thân anh ham chơi, dẫn đến tháng 8/2011 anh phạm tội "*Trộm cắp tài sản"* và bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về gia đình đến năm 2013, anh phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 7 năm 9 tháng tù. Hiện anh đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2, Trại giam Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Khi anh đi chấp hành hình phạt tù chị Hòa đã về gia đình nhà bố, mẹ đẻ sinh sống. Nay chị Hòa xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Con chung của vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện anh đang phải chấp hành án không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia tố tụng tại phiên tòa được, anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M có đơn xin vắng mặt, nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định chung của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về hôn nhân cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Sỹ M.
- Con chung không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Tài sản chung và công nợ chung không có không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H, bị đơn anh Nguyễn Sỹ M đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên toà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Sỹ M kết hôn với nhau ngày 17/5/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hòa và anh M: Do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, anh M ham chơi dẫn đến việc phạm tội và đang phải chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2, Trại giam Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2013, chị Hòa đã trở về gia đình nhà bố, mẹ đẻ ở thôn Phận, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định sinh sống cho đến nay. Từ đó hai người không quan tâm tới nhau nữa. Chị Hòa xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn thương yêu nhau và xin ly hôn anh M. Anh M nhất trí ly hôn với chị Hòa. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Hòa.

[4] Về con chung của vợ chồng không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung giữa chị Hòa và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Sỹ M.

2. Về con chung không có,không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hòa đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/06435 ngày 10/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Nguyên đơn , bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tống đạt bản án của Toà án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- CCTHADS TP B;
- UBND xã T, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tú